

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2024.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng

2. Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HN ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã TL, huyện P, thành phố C. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Đỗ Hoàng T1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Hoàng T1 được hai bên gia đình thống nhất cho kết hôn và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NA, huyện CTA, tỉnh H vào ngày 22/9/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Hoàng T1.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị và anh T1 chưa có con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Hoàng T1 quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Lê Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Đỗ Hoàng T1 tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Đỗ Hoàng T1, hiện tại có nơi cư trú tại ấp N, xã NA, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Anh Đỗ Hoàng T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NA, huyện CTA, tỉnh H theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng chị và anh T1 chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng anh T1 không tham dự. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng chị T và anh T1 chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 cho đến nay lại không tạo điều kiện hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Đỗ Hoàng T1.

[2]. Về con chung: Không có nên không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Lê Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Đỗ Hoàng T1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004145 ngày 24/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị T không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã NA
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn